TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:19/2026/QĐST - HNGĐ	*Văn Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2026/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn Q, xã V, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn P, xã V, tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam T1 – Bộ C

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 06/9/2006;

Cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 31/7/2014;

Người đại diện hợp pháp của cháu T: Chị Nguyễn Thị S (mẹ đẻ của cháu)

Đều có địa chỉ: Thôn Q, xã V, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2026.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ *Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:* Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Thanh Q.

2/ *Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:*

Về tình cảm vợ chồng: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Thanh Q.

Về con chung: Chị S, anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 06/9/2006 và cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 31/7/2014. Hiện nay cháu D đã đến tuổi trưởng thành. Chị S, anh Q thỏa thuận để chị S tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 31/7/2014 cho đến khi cháu thành niên đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S, tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn anh Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung vợ chồng, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức: Chấp nhận sự tự nguyện của chị S, anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị S xin chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai số 0000494 ngày 26/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hưng Yên, trả lại chị S số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơinhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Văn Giang;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Vân Anh